

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH B PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Ban án số: **09/2019/HNGĐ – ST**
Ngày 23-4-2019
V/v “*Ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH B PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thành

2. Bà Nguyễn Kim Phụng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - *Kiểm sát viên*

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 144/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019, về việc “*Ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê Quang B**, sinh năm: 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 5, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh B Phước.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 323, Tổ 6, Ấp 11B, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 12 năm 2018, đơn xin rút 1 phần yêu cầu khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - ông Lê Quang B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông tự nguyện kết hôn với bà Nguyễn Thị T vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh B Phước. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại Ấp 2, xã Tiến Hưng, TX.Đồng Xoài (nay là TP.Đồng Xoài), tỉnh B Phước. Vợ chồng sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12 năm 2018 cho đến nay. Nay ông B yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con: Ông và bà T có 01 con chung tên là Lê Nguyễn Trường Giang, sinh

ngày 24/10/2014. Ngoài ra, vợ chồng không có con nuôi hay con riêng.

Khi nộp đơn khởi kiện, ông B yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Đến ngày 15/3/2019, ông B nộp đơn xin rút yêu cầu về việc nuôi con chung để vợ chồng tự thỏa thuận người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà thống nhất với ông B về quan hệ hôn nhân và con chung. Theo bà nguyên nhân dẫn đến ông B nộp đơn ly hôn là do ông B có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Nay bà đồng ý ly hôn với ông B. Bà T khẳng định hiện nay bà không mang thai. Về con chung hiện nay bà đang nuôi dưỡng và bà không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội thẩm nhân dân tuân thủ quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Quang B.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Lê Quang B được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án nên không đặt ra.
- Về con: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu nuôi con chung của ông Lê Quang B

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Lê Quang B nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài, tỉnh B Phước yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị T, yêu cầu của ông B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bà T chuyển nơi cư trú về ấp 11B, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước trước khi Tòa án nhân dân TP. Đồng Xoài thụ lý vụ án nên Tòa án nhân dân TP. Đồng Xoài, tỉnh B Phước đã chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh B Phước giải quyết theo thẩm quyền là đúng quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn có ý kiến và có đơn xin vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quang B, sinh năm 1988 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989 tự nguyện kết hôn vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh B Phước. Vì vậy, về quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà T là hợp pháp.

Quá trình chung sống, ông B và bà T xác định có mâu thuẫn, ông B xác định không còn tình cảm với bà T nên yêu cầu được ly hôn với bà T và bà T cũng đồng ý hôn với ông B. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa ông B và bà T đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông B.

Về con: Theo đơn khởi kiện của ông B đề ngày 05/12/2018 thì ông B yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ngày 15/3/2019 ông B rút yêu cầu về việc nuôi con chung. Xét thấy, việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, cần đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của ông B.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy ông B phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang B

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Lê Quang B được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về việc nuôi con chung của ông Lê Quang B.

3/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Quang B phải chịu 300.000 đồng án phí, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông B đã

nộp tại Chi cục thi hành án dân sự TP.Đồng Xoài, tỉnh B Phước theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0000773 ngày 17/12/2018.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự;
- THADS Tp. Đồng Xoài;
- UBND xã Nghĩa Trung
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quang Minh